

Bản án số: 124/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 09/8/2023
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Tuấn Phong
2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 293/2023/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2023/QĐST – DS, ngày 20/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Chí C**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: **Số B, L, khóm B, phường M, thành phố L, An Giang.**

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: **E, khóm M, phường M, TP L, An Giang.**

(Ông **C** có đơn xin xét xử vắng mặt, bà **T** vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2023, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông **Trần Chí C** trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông **C** và bà **T** do quen biết và sau đó tiến tới hôn nhân vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, từ năm 2015 thì bà **T** bỏ nhà đi đến nay không liên lạc về gia đình. Ông Công nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà **T**.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên **Trần Tú Q**, sinh năm 1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu T** vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

+ Ông **Trần Chí C** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

+ Bà **T** vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- **Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa**

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

- **Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng**

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, đề nghị:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông **Trần Chí C** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Thu T**.

Về con chung: có 01 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa ông **Trần Chí C** và bà **Nguyễn Thị Thu T** là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà **T** cũng như thông báo cho bà **T** trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà **T** vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay. Ông **Trần Chí C** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông **C** và bà **T**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **C** và bà **T** do quen biết và sau đó tiến tới hôn nhân vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **M** vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, từ năm 2015 thì bà **T** bỏ nhà đi đến nay không liên lạc về gia đình. Ông **C** nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà **T**.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên ông **C** và tạo thêm thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, ông **C** vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì bà **T** bỏ nhà đi từ năm 2015 đến nay không liên lạc về gia đình. Từ đó, có thể nhận thấy bà **T** không còn quan tâm đến hôn nhân của mình, mặt khác tình cảm của ông **C** dành cho vợ không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông **C** được ly hôn với bà **T**.

[2.2] Về con chung: Ông **Trần Chí C** và bà **Nguyễn Thị Thu T** có 01 con chung tên **Trần Tú Q**, sinh năm 1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Trần Chí C** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Ông **Trần Chí C** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179; Điều 180; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Chí C**. Ông **Trần Chí C** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Thu T**.

- Về con chung: Ông **Trần Chí C** và bà **Nguyễn Thị Thu T** có 01 con chung tên **Trần Tú Q**, sinh năm 1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: ông **Trần Chí C** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001892 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông **Trần Chí C** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đức Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ ĐỨC ANH

